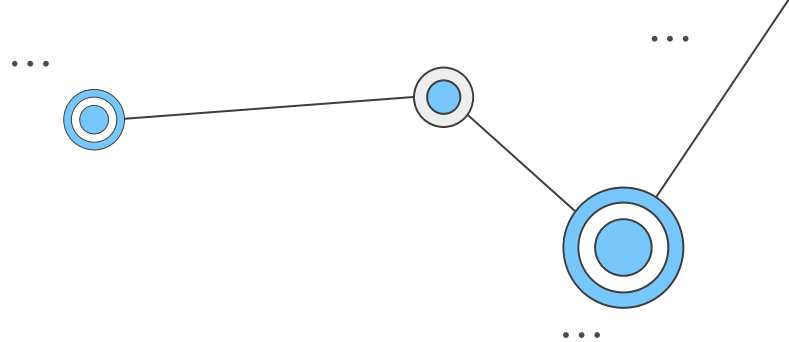


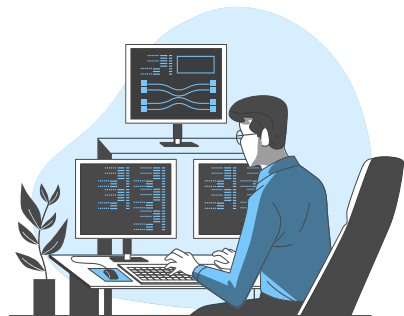


# Material UI



## Khóa học Frontend

### Bài 40: Học Material UI (Tiết 1)



# Nội dung

01

Khái niệm và cài đặt

...

02

Button

...

03

Text Field

...

04

Alert

...

05

App Bar

...

06

Container

...

07

Radio Group

...

08

Checkbox

...



# 01

## Khái niệm và cài đặt

## 1.1. Khái niệm

- **Material UI (MUI)** là thư viện **cung cấp** các **thành phần UI có sẵn**.
- Chỉ cần lấy các thành phần UI ra và dùng.
- Trang chủ: <https://mui.com/material-ui>

CHỈ PHÙ HỢP CÁC TRANG TÀI LIỆU (DOCUMENT) hoặc TRANG QUẢN TRỊ (ADMIN)

## 1.2. Cài đặt

### 1.2. Cài đặt

- Cài Material UI: **`npm install @mui/material @emotion/react @emotion/styled`**
- *Hướng dẫn trong buổi học.*

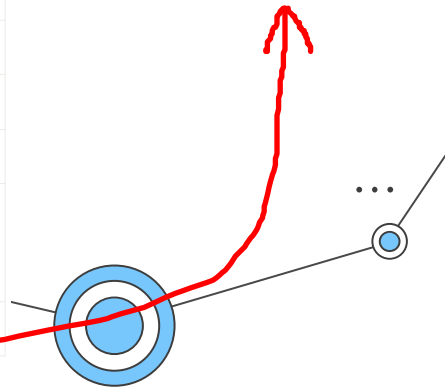
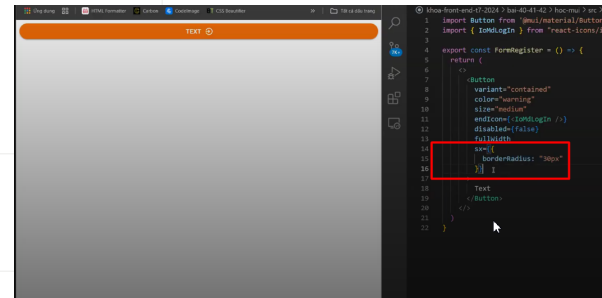
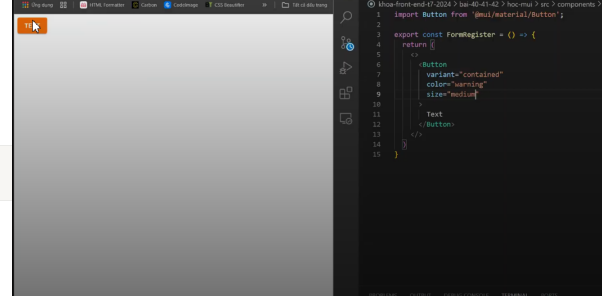
## 02. Button

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
variant	'contained' 'outlined' 'text'	'text'	Các biến thể của nút bấm
color	'primary' 'secondary' 'success' 'error' 'info' 'warning'	'primary'	Màu sắc của nút
size	'small' 'medium' 'large'	'medium'	Kích thước của nút
startIcon	node		Chèn icon ở trước text
endIcon	node		Chèn icon ở sau text
disabled	bool	false	Nếu true, nút sẽ bị vô hiệu hóa
fullWidth	bool	false	Nếu true, nút sẽ rộng full chiều ngang
href	string		Để chèn đường link cho nút bấm. Nếu có chèn link thì nút bấm được chuyển thành thẻ <a>
sx	object		Thêm CSS

hiểu như 1 thẻ html  
còn gọi là component

so với phần tử cha

nên dùng thẻ Link

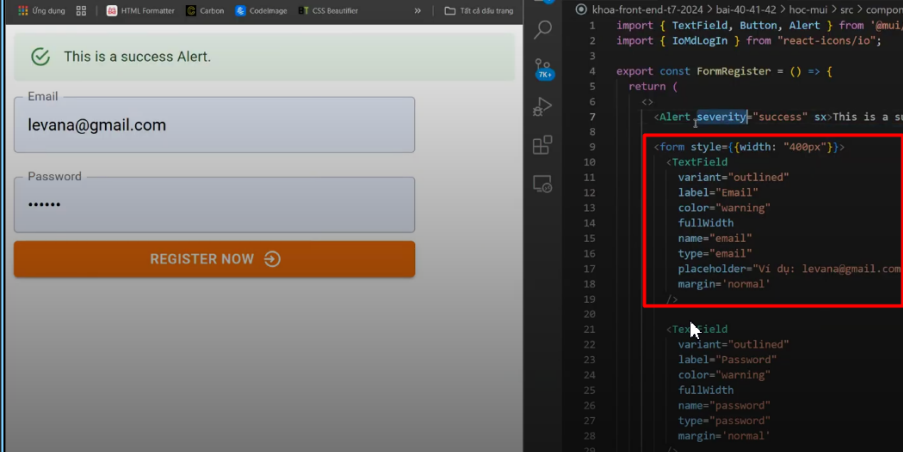


### 03. Text Field Dùng in ra thẻ input

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
variant	'filled' 'outlined' 'standard'	'outlined'	Các biến thể của input
label	node		Nhãn của ô input
id	string		Id của ô input
color	'primary' 'secondary' 'error' 'info' 'success' 'warning'	'primary'	Màu sắc của ô input
defaultValue	any		Giá trị mặc định của ô input
disabled	bool	false	Nếu <b>true</b> , ô input sẽ bị vô hiệu hóa
fullWidth	bool	false	Nếu <b>true</b> , ô input sẽ rộng full chiều ngang
name	string		Thêm thuộc tính name cho ô input
type	string		Kiểu của ô input
placeholder	string		Thêm gợi ý cho ô input
required	bool	false	Nếu <b>true</b> , ô input không được để trống

### 03. Text Field

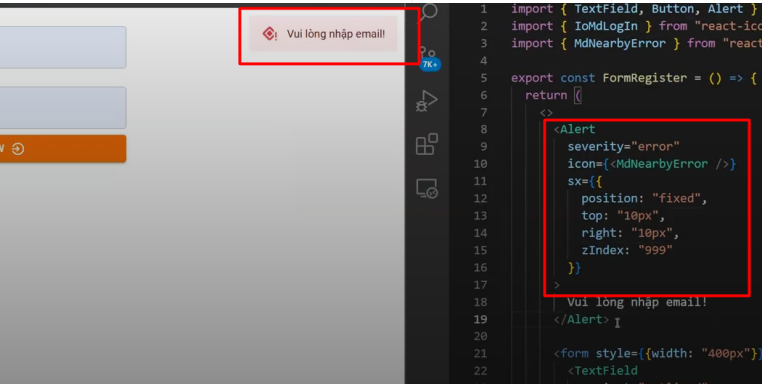
Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
multiline	bool	false	Nếu true, ô input sẽ được thay bằng thẻ <textarea>
rows	number   string		Số dòng hiển thị (khi multiline = true)
onChange	function		Bắt sự kiện khi ô input thay đổi giá trị
error	bool	false	Nếu true, nhãn sẽ được hiển thị dạng lỗi
margin	'dense' 'none' 'normal'	'none'	Thêm margin cho bên dưới
sx	object		Thêm CSS





## 04. Alert

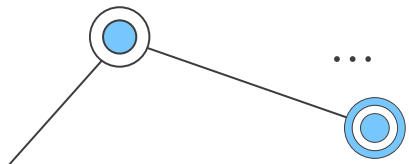
Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
variant	'filled' 'outlined' 'standard'	'standard'	Các biến thể
color	'error' 'info' 'success' 'warning'		Màu sắc
icon	node		Chèn icon
action	node		Thêm nút hành động cho alert
sx	object		Thêm CSS



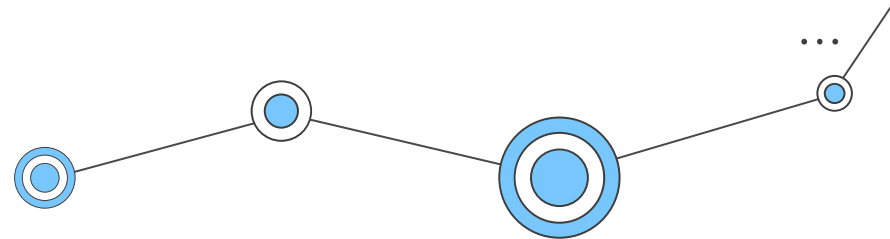
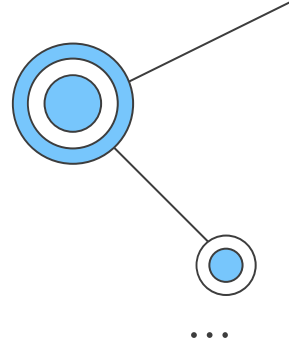
## 05. App Bar

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
position	'absolute' 'fixed' 'relative' 'static' 'sticky'	'fixed'	Chỉnh position cho App Bar
color	'default' 'inherit' 'primary' 'secondary' 'transparent' 'error' 'info' 'success' 'warning'	'primary'	Màu sắc
sx	object		Thêm CSS

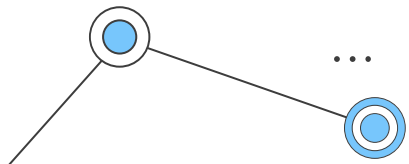
## 06. Container



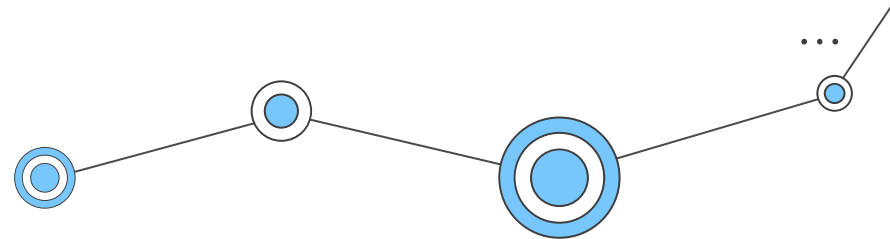
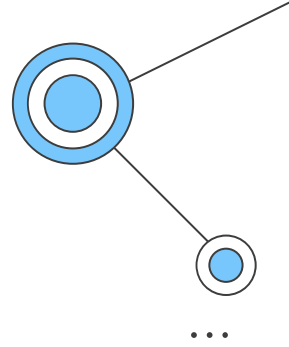
● *Hướng dẫn trong buổi học.*



## 07. Radio Group



• Hướng dẫn trong buổi học.



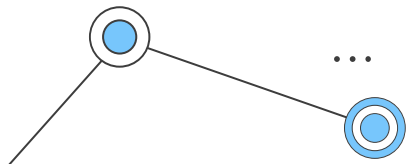


08

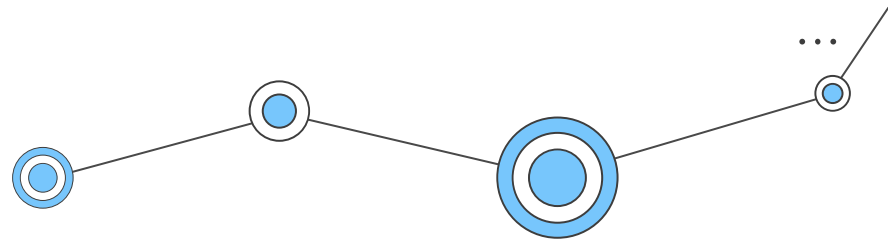
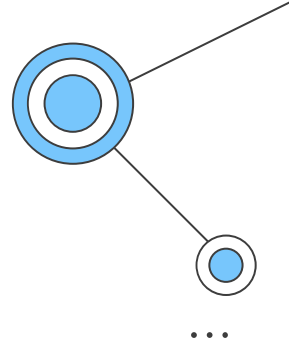
Checkbox



## 08. Checkbox



• Hướng dẫn trong buổi học.



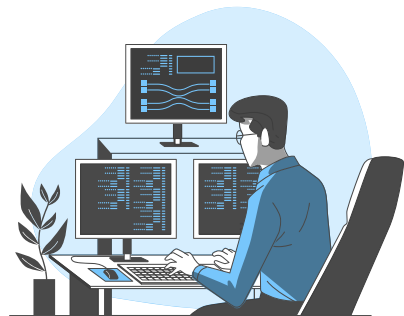


# Material UI



## Khóa học Frontend

### Bài 41: Học Material UI (Tiết 2)



# Nội dung

01

Select

...

02

Typography

...

03

Material Icons

...

04

Avatar

...

05

Menu

...

06

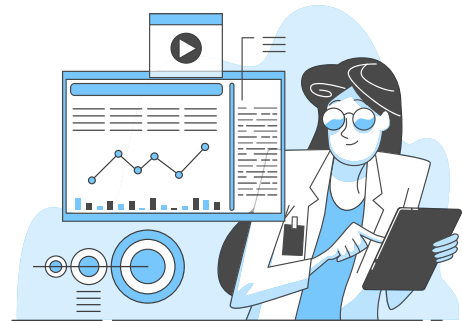
Drawer

...

07

Table

...





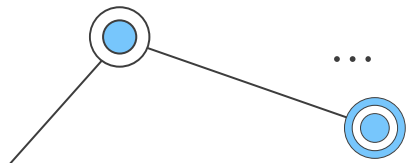


# 01

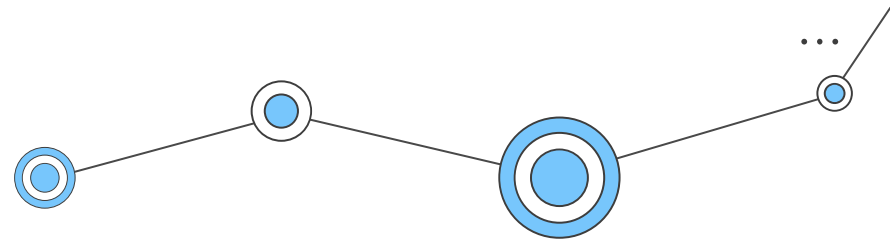
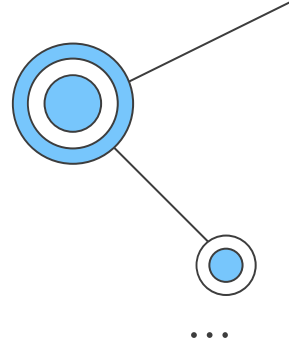
## Select



# 01. Select



● *Hướng dẫn trong buổi học.*





02

Typography



## 02. Typography

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
variant	'h1' 'h2' 'h3' 'h4' 'h5' 'h6' ...		Các biến thể của Typography
component	elementType		Đặt tên phần tử
align	'inherit' 'center' 'justify' 'left' 'right'	'inherit'	Căn lề



# 03

## Material Icons



## 03. Material Icons

- Cài đặt: **npm install @mui/icons-material**
- Trang danh sách icon: <https://mui.com/material-ui/material-icons>

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
color	'inherit' 'action' 'disabled' 'primary' 'secondary' 'error' 'info' 'success' 'warning'	'inherit'	Màu sắc icon
fontSize	'inherit' 'large' 'medium' 'small'	'medium'	Kích cỡ icon



04

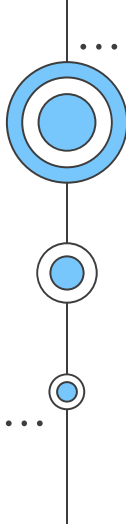
Avatar



## 04. Avatar

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
variant	'circular' 'rounded' 'square'	'circular'	Hình dạng Avatarr
src	string		Đường link ảnh (Nếu có)
alt	string		Mô tả thay thế cho hình ảnh





05

Menu



## 05. Menu

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
open	bool		Nếu <b>true</b> , Menu sẽ được hiển thị
anchorEl	HTML element		Thiết lập một phần tử HTML để chỉnh vị trí của Menu theo phần tử HTML đó
onClose	function		Được gọi khi click ra bên ngoài menu



06

Drawer



## 06. Drawer

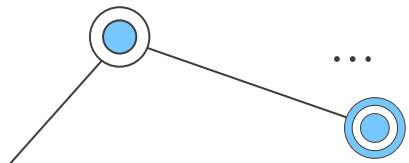
Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
open	bool		Nếu <b>true</b> , Menu sẽ được hiển thị
onClose	function		Được gọi khi click ra bên ngoài menu



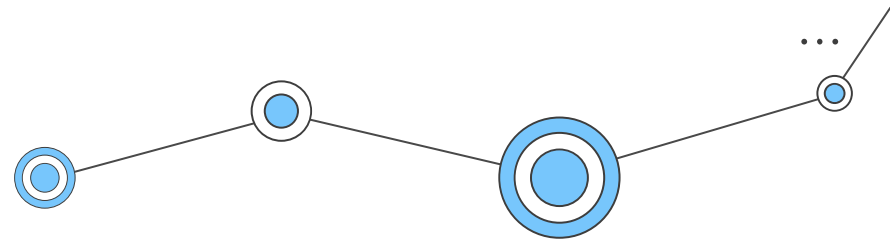
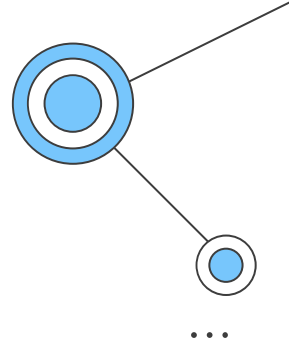
07

Table

## 07. Table



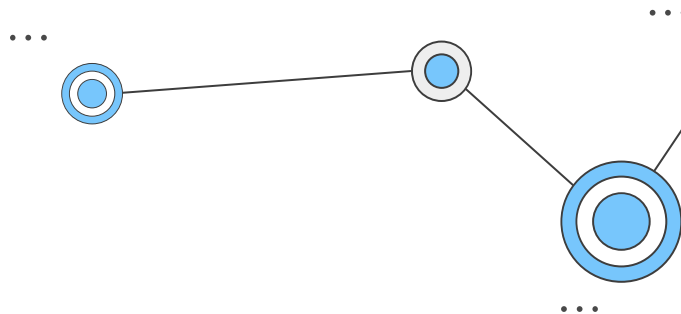
• *Hướng dẫn trong buổi học.*





Material UI

TS

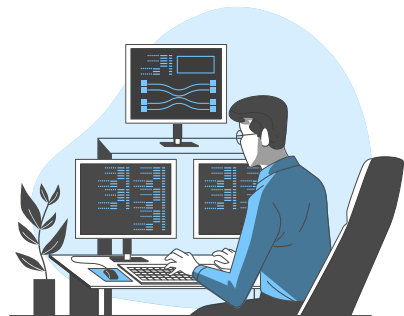


# Khóa học Frontend

Bài 42:

Học Material UI (Tiết 3)

Học Typescript (Tiết 1)



# Nội dung

01

Switch

...

02

Dialog

...

03

Tooltip

...

04

Upload Ảnh

...

05

Khái niệm và cài đặt  
Typescript

...

06

Tại sao sử dụng  
TypeScript?

...

07

Kiểu Number, String,  
Boolean

...

08

Kiểu Object

...







01

Switch

# 01. Switch

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
defaultChecked	bool		Nếu <b>true</b> , Switch mặc định được bật
disabled	bool		Nếu <b>true</b> , Switch bị vô hiệu hóa
color	'default' 'primary' 'secondary' 'error' 'info' 'success' 'warning'	'primary'	Màu sắc
onChange	function		Được gọi khi Switch thay đổi trạng thái



02

Dialog



## 02. Dialog

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
open	bool		Nếu <b>true</b> , Dialog được mở
onClose	function		Được gọi khi click vào nền tối



03

Tooltip



## 03. Tooltip

Tên	Kiểu	Mặc định	Mô tả
title	node		Tiêu đề của Tooltip
placement	'bottom-end' 'bottom-start' 'bottom' 'left-end' 'left-start' 'left' 'right-end' 'right-start' 'right' 'top-end' 'top-start' 'top'	'bottom'	Vị trí của Tooltip

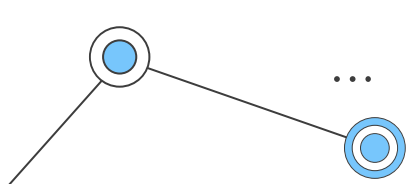


04

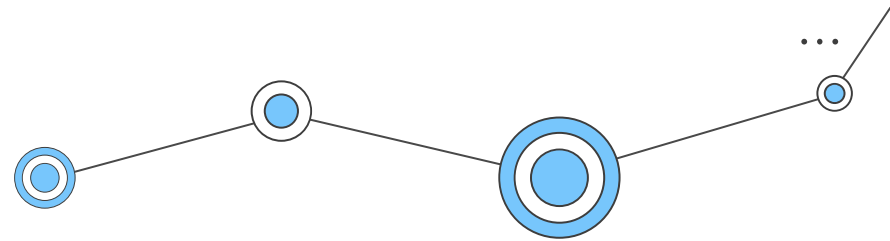
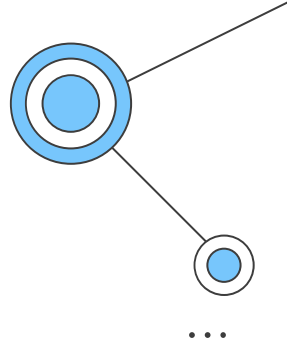
Upload Ảnh



## 04. Upload Ảnh



● Hướng dẫn trong buổi học.





# 05

## Khái niệm và cài đặt Typescript

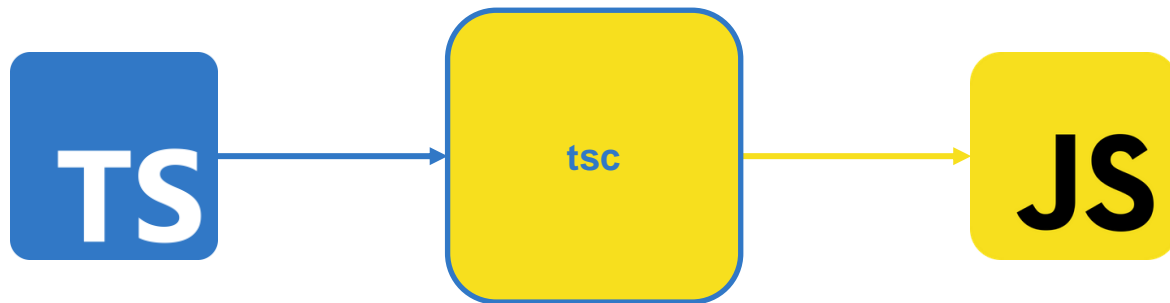
## 5.1. Khái niệm

- **Typescript** là một ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở, được xây dựng dựa trên JavaScript.
- **Typescript bổ sung** thêm các **kiểu dữ liệu** khi khai báo biến.



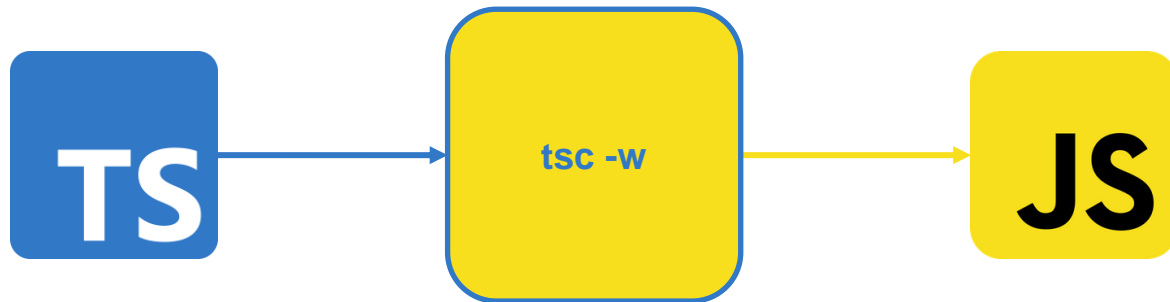
## 5.2. Cài đặt

- Cài đặt TS: **npm i typescript**
- Biên dịch TS thành JS: **tsc ten-file.ts**



## 5.3. Cấu hình tsconfig.json

- Tạo file: **tsconfig.json**
- Biên dịch TS thành JS: **tsc -w**

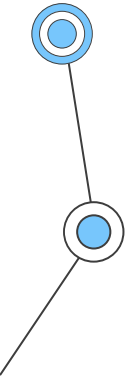
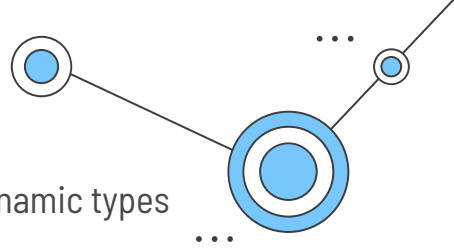


# 06

Tại sao sử dụng  
TypeScript?

## 06. Tại sao sử dụng TypeScript?

- Typescript thêm các **types** khi khai báo biến để giúp tránh được nhiều vấn đề với dynamic types trong Javascript.
- *Hướng dẫn trong lúc học.*

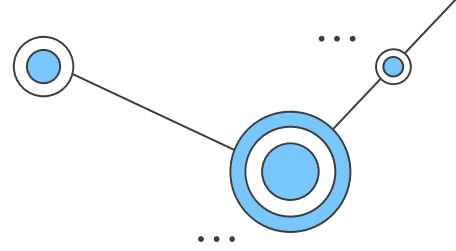


# 07

**Kiểu Number, String,  
Boolean**

## 7.1. Kiểu Number

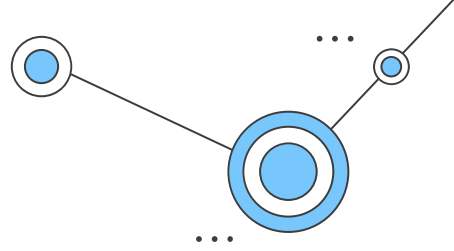
- *Hướng dẫn trong lúc học.*





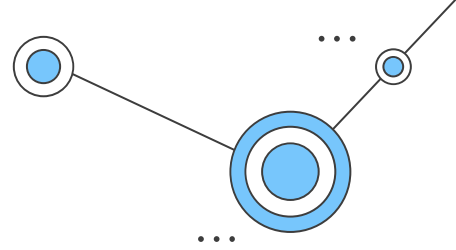
## 7.2. Kiểu String

- *Hướng dẫn trong lúc học.*



## 7.3. Kiểu Boolean

- *Hướng dẫn trong lúc học.*





08

Kiểu Object



## 08. Kiểu Object

- *Hướng dẫn trong lúc học.*

